TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **58**/2020/DS-ST
Ngày 08-10-2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ý

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Hưng

Ông Trịnh Hữu Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Anh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Lê Vũ Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2020/TLST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2020/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị B, sinh năm 1922 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn U, huyện U, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Cẩm H – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn U, huyện U, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Bùi Thị B trình bày:

Bà có cho cháu ngoại là Nguyễn Thị L mượn vàng và tiền nhiều lần, đến nay tổng số vàng và tiền mà chị L thiếu là 4,5 chỉ vàng 24K và 19.000.000 đồng. Bà có đòi nhiều lần nhưng chị L cố tình né tránh không trả nợ. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Nguyễn Thị L phải trả cho bà 4,5 chỉ vàng 24K và 19.000.000 đồng.

Bị đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị có mượn của bà ngoại là Bùi Thị B 4,5 chỉ vàng 24K và 19.000.000 đồng. Số tiền và vàng này mượn nhiều lần, sau khi bà B khởi kiện thì chị đã trả cho bà B 2.000.000 đồng tiền gốc và 1.500.000 đồng tiền lãi nhưng không có tài liệu gì chứng minh. Hiện nay chị chỉ còn thiếu bà B 4,5 chỉ vàng 24K và 17.000.000 đồng. Chị đồng ý trả cho cho bà B 4,5 chỉ vàng 24K và 17.000.000 đồng nhưng phải trả nhiều lần do hoàn cảnh khó khăn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Việc chị L thiếu bà B 4,5 chỉ vàng 24K và 19.000.000 đồng được thể hiện bằng các biên nhận có chữ ký của chị L và lời xác nhận của chị L tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa. Chị L trình bày đã trả cho bà B 2.000.000 đồng tiền gốc và 1.500.000 đồng tiền lãi nhưng bà B xác định số tiền này nằm ngoài số tiền 19.000.000 đồng mà bà B yêu cầu, đồng thời chị L cũng không có tài liệu chứng minh. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 463, 466 Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị B.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự đã thực hiện đúng về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 463, 466, 469 của Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị B, buộc chị Nguyễn Thị L trả cho bà Bùi Thị B 4,5 chỉ vàng 24K và 19.000.000 đồng, đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị B thấy rằng:

Bà Bùi Thị B yêu cầu chị Nguyễn Thị L trả 4,5 chỉ vàng 24K và 19.000.000 đồng mà bà B đã cho chị L vay được thể hiện bằng các biên nhận có chữ ký của chị L. Tại biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa, chị L thừa nhận có vay của bà B 4,5 chỉ vàng 24K và 19.000.000 đồng. Chị L cho rằng đã trả cho bà B 2.000.000 đồng tiền gốc và 1.500.000 đồng tiền lãi, hiện nay chỉ còn thiếu bà B 4,5 chỉ vàng 24K và 17.000.000 đồng nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của chị L, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị B, buộc chị Nguyễn Thị L phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho bà B 4,5 chỉ vàng 24K và 19.000.000 đồng.

Từ những phân tích, xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội, chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% tương ứng với số tiền và vàng theo yêu cầu của bà B được Tòa án chấp nhận, cụ thể: (19.000.000 đồng + 4,5 x 5.330.000 đồng) x 5% = 2.149.000 đồng.

(Giá vàng 24K tại thời điểm xét xử là 5.330.000 đồng/chỉ).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị B. Buộc chị Nguyễn Thị L có nghĩa vụ thanh toán cho bà Bùi Thị B 4,5 chỉ vàng 24K và 19.000.000 đồng (mười chín triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi phát sinh tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.149.000 (hai triệu một trăm bốn mươi chín nghìn) đồng (chưa nộp).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Ý